

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:156/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Ngô Thị Thơm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2023/HNGĐ-TLST ngày 08/3/2023, về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh ngày 02/6/1994.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động: Đài Loan.

Người được chị V ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ:KDC T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh **Đỗ Đức H**, sinh ngày 05/10/1993.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Vũ Thị H1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

(Chị V, bà H1 có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh H tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L (nay là phường T, thành phố L) tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2013. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình anh H. Năm 2016 anh H và chị V đều sang Đài Loan lao động, mỗi người làm việc một công ty nên vợ chồng không ở cùng nhau, nhưng vẫn sống hòa thuận. Đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tin tưởng, nghi ngờ sự chung thủy, dẫn đến vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung : Chị và anh H có một con chung là Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 26/4/2014. Trong thời gian chị và anh H đi nước ngoài, cháu Ng ở cùng với ông bà nội. Do cháu Ng ở cùng ông bà nội từ nhỏ nên chị đồng ý với quan điểm của anh H là để anh H nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng. Trường hợp anh H để chị nuôi con, chị sẽ ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng trong thời gian chị không ở Việt Nam. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị V tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do điều kiện chị không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nên chị ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao, nhận các văn bản tại Tòa án.

- Anh Đỗ Đức H hiện đang lao động tại Đài Loan, do chị V không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh H tại gia đình. Bà Vũ Thị H1 là mẹ đẻ anh H cung cấp, năm 2015 anh H đi Đài

Loan lao động, từ khi đi anh H chưa về Việt Nam lần nào. Địa chỉ của anh H ở nước ngoài bà không biết, nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh H thường xuyên gọi điện thoại về gia đình. Bà H1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Thông qua gia đình cũng như tại buổi làm việc với Tòa án, anh H đã trực tiếp gọi điện thoại và thể hiện quan điểm: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên chị V có đơn xin ly hôn anh đề nghị đợi khi nào anh và chị V về Việt Nam thì mới giải quyết. Về con chung, anh xác định vợ chồng có một con chung là Đỗ Bảo Ng, hiện đang ở cùng bố mẹ anh. Do anh chưa đề nghị giải quyết ly hôn nên không có quan điểm. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện anh ở Đài Loan, chưa biết khi nào sẽ về Việt Nam.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị H1 có quan điểm: Bà là mẹ đẻ anh H, còn chị V là con dâu của bà. Việc chị V có đơn xin ly hôn anh H và gia đình có biết. Mâu thuẫn giữa anh H, chị V xảy ra từ cuối năm 2019, nguyên nhân do chị V ngoại tình. Cháu Đỗ Bảo Ng là con chung của anh H, chị V sống cùng vợ chồng bà từ nhỏ, nếu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh H, chị V bà đồng ý thay anh H chăm sóc cháu Ng trong thời gian anh H không ở Việt Nam. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Cháu Đỗ Bảo Ng là con chung của chị V, anh H có quan điểm khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố và ông bà nội.

- Chị Vũ Thị C là người được chị V ủy quyền giao, nhận văn bản tại Tòa án. Chị C đồng ý nhận ủy quyền, sau khi nhận văn bản tố tụng chị đã thông tin cho chị V biết, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị V, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị V được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 26/4/2014 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ng cho bà Vũ Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H 1.500.000đ/tháng. Về án phí: Chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Đức H đều có hộ khẩu thường trú tại: khu dân cư N, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện tại chị V, anh H đều lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tài liệu chị V gửi về gồm đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị vắng mặt chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định dấu vân tay trong các văn bản này. Tại kết luận giám định số 26/KL-KTHS(ĐV) ngày 06/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: Dấu vân tay in tại ô ngón trỏ phải và ngón trỏ trái trên tài liệu cần giám định so với dấu vân tay tương ứng in tại ô ngón trỏ phải và ngón trỏ trái trên tài liệu mẫu so sánh là vân tay của chị Nguyễn Thị V. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản mà chị V gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị V.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh H được biết, anh H thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Vũ Thị H1. Bà H1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết, thông qua gia đình cũng như việc nói chuyện trực tiếp qua điện thoại, anh H đã có quan điểm về việc ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Anh H được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L (nay là phường T, thành phố L) tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2013, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên nghi ngờ sự chung thủy, không tin tưởng nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Mặc dù cả hai cùng lao động tại Đài Loan, nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, hai bên xảy ra mâu thuẫn đã lâu, nhưng do anh và chị V đều ở nước ngoài nên chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy, căn cứ lời khai của các đương sự có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh H và chị V đã trầm trọng. Anh H chưa muốn giải quyết ly hôn vì anh, chị chưa về Việt Nam chứ không phải vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy để ổn định cuộc sống của các bên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Đức H có một con chung là Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 26/4/2014, hiện cháu Ng đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn chị V đồng ý để anh H nuôi con. Thông qua gia đình anh H cũng có nguyện vọng nếu vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cháu Ng. Cháu Ng cũng có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Xét thấy, chị V và anh H đều ở nước ngoài, cháu Ng ở với ông bà nội từ nhỏ, được chăm sóc và học tập tốt. Do đó để ổn định cuộc sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu Ng cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ng cho bà Vũ Thị H1 chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là 1.500.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Đỗ Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 26/4/2014 cho anh Đỗ Đức H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ng cho bà Vũ Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/1tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị V không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0003969 ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị V còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V, anh Đỗ Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Vũ Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền